

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 3, TẠI CÔNG TY CP GANG THÉP TN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Vũ Việt Anh	1	35	7.0	Bảy	
2	Nguyễn Tuấn Anh	2	44	7.0	Bảy	
3	Nguyễn Thị Quế Anh	3	73	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Văn Tuấn Anh	4	50	7.5	Bảy rưỡi	
5	Trần Tuấn Anh	5	72	8.0	Tám	
6	Lê Văn Bảy	6	67	7.5	Bảy rưỡi	
7	Mạc Văn Biên	7	55	8.0	Tám	
8	Nguyễn Văn Bình	8	29	7.0	Bảy	
9	Nguyễn Thị Minh Châu	9	14	7.5	Bảy rưỡi	
10	Vũ Đình Chiến	10	03	7.5	Bảy rưỡi	
11	Hoàng Đức Cường	11	63	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Đức Cường	12	13	7.5	Bảy rưỡi	
13	Phạm Minh Cường	13	19	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Mạnh Cường	14	16	6.5	Sáu rưỡi	
15	Nguyễn Thế Cường	15	62	7.0	Bảy	
16	Đàm Viết Dự	16	65	7.0	Bảy	
17	Đặng Kim Dũng	17	30	8.0	Tám	
18	Nguyễn Công Dũng	18	31	7.5	Bảy rưỡi	
19	Dương Thị Duyệt	19	61	7.5	Bảy rưỡi	
20	Hoàng Hải Dương	20	83	7.5	Bảy rưỡi	
21	Bùi Phương Duy	21	22	7.0	Bảy	
22	Nguyễn Khắc Đức	22	23	7.0	Bảy	



25

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Minh Đức	23	58	7.5	Bảy rưỡi	
24	Đỗ Trường Giang	24	36	6.5	Sáu rưỡi	
25	Nguyễn Thị Hương Giang	25	09	8.0	Tám	
26	Dương Thị Giang	26	26	7.5	Bảy rưỡi	
27	Ngô Hồng Hà	27	81	7.0	Bảy	
28	Vũ Thanh Hà	28	27	7.0	Bảy	
29	Hoàng Thu Hà	29	08	8.0	Tám	
30	Nguyễn Vũ Hải	30	07	6.5	Sáu rưỡi	
31	Hoàng Thanh Hải	31	41	7.0	Bảy	
32	Nguyễn Văn Hạnh	32	20	8.0	Tám	
33	Phan Đình Hạnh	33	33	7.0	Bảy	
34	Trịnh Xuân Hiệp	34	11	7.0	Bảy	
35	Lê Công Hiếu	35	10	6.5	Sáu rưỡi	
36	Trần Thị Thúy Hoàng	36	25	7.5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Công Huân	37	56	8.0	Tám	
38	Phạm Thanh Huân	38	78	7.5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Quốc Hùng	39	52	7.0	Bảy	
40	Tô Thế Hùng	40	12	7.0	Bảy	
41	Tô Mạnh Hưng	41	37	7.0	Bảy	
42	Trần Thị Thu Hương	42	74	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thị Việt Hương	43	79	7.5	Bảy rưỡi	
44	Dương Thu Hương	44	02	7.5	Bảy rưỡi	
45	Phạm Lê Huy	45	05	8.0	Tám	
46	Lê Viết Huy	46	39	7.5	Bảy rưỡi	
47	Hoàng Thu Huyền	47	53	8.0	Tám	
48	Nguyễn Huy Khang	48	49	7.5	Bảy rưỡi	
49	Lê Vĩnh Khang	49	18	7.0	Bảy	
50	Mai Phan Khương	50	54	6.5	Sáu rưỡi	
51	Nguyễn Thị Lập	51	76	7.5	Bảy rưỡi	
52	Bùi Tuấn Linh	52	28	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Dương Thị Ngọc Linh	53	80	7.5	Bảy rưỡi	
54	Phạm Thị Loan	54	46	7.5	Bảy rưỡi	
55	Bùi Văn Lùng	55	68	7.5	Bảy rưỡi	
56	Vũ Ngọc Lương	56	48	7.5	Bảy rưỡi	
57	Nguyễn Thị Hồng Mai	57	71	8.0	Tám	
58	Nguyễn Thị Tuyết Mai	58	75	7.5	Bảy rưỡi	
59	Hà Đức Mẫn	59	84	7.0	Bảy	
60	Phạm Khả Miên	60	60	7.0	Bảy	
61	Đặng Quang Minh	61	21	7.0	Bảy	
62	Tạ Thị Nguyệt Minh	62	45	8.0	Tám	
63	Đỗ Tuấn Ngọc	63	51	8.0	Tám	
64	Nguyễn Thị Bích Ngọc	64	01	7.5	Bảy rưỡi	
65	Trần Thị Thu Phương	65	40	7.5	Bảy rưỡi	
66	Đào Ngọc Sơn	66	42	7.5	Bảy rưỡi	
67	Lê Minh Sơn	67	06	8.0	Tám	
68	Bùi Thái Sơn	68	77	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Quý Sửu	69	32	7.0	Bảy	
70	Bùi Văn Tạ	70	64	7.0	Bảy	
71	Đinh Tiến Tân	71	24	7.0	Bảy	
72	Cao Văn Tân	72	47	7.5	Bảy rưỡi	
73	Nguyễn Thượng Thạch	73	04	7.0	Bảy	
74	Trịnh Hồng Thái	74	59	7.5	Bảy rưỡi	
75	Trần Đại Thắng	75	43	8.0	Tám	
76	Trần Nam Thắng	76	15	7.0	Bảy	
77	Nguyễn Văn Thắng	77	69	7.0	Bảy	
78	Phạm Hồng Thành	78	34	7.5	Bảy rưỡi	
79	Trần Hương Thảo	79	66	8.0	Tám	
80	Nguyễn Thị Thủy	80	85	8.0	Tám	
81	Phan Văn Tứ	81	82	7.5	Bảy rưỡi	
82	Bùi Trọng Tuấn	82	17	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
83	Nguyễn Quang Tùng	83	57	7.5	Bảy rưỡi	
84	Dương Thị Thanh Tuyền	84	38	8.0	Tám	
85	Nguyễn Thế Vinh	85	70	7.5	Bảy rưỡi	

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Phúc Ái

KHOA DÂN VẬN



Đàm Thị Hạnh

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên